

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Cường

Bà Lê Thùy Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/ TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 04/2022/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Bích D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 01, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 01, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị Bích D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 24/10/2012 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở cùng gia đình anh C tại khu 1, xã Minh Tiến, huyện Đoan Hùng. Quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đầu năm 2022 đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/3/2013. Hiện cháu A đang ở cùng chị tại khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ly hôn nguyên vọng của chị muốn nuôi dưỡng cháu Anh, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị D kết hôn với nhau ngày 24/10/2012 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở cùng gia đình anh tại khu 1, xã Minh Tiến, huyện Đoan Hùng. Quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, nên chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh C đồng ý ly hôn. Do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/3/2013. Hiện cháu A đang ở cùng chị D tại khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn anh đồng ý để chị D nuôi con chung là cháu Anh, anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

+ Xử cho chị Tạ Thị Bích D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/3/2013. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Tạ Thị Bích D và bị đơn là anh Nguyễn Văn C đều có nơi cư trú tại khu 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh C nhưng anh C không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn C.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Tạ Thị Bích D và anh Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2012 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở cùng gia đình anh C tại khu 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Theo chị D thì quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân kể từ đầu năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Theo anh C thì vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân kể từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh. Anh đồng ý ly hôn. Qua xác minh được chính quyền địa phương cung cấp trong cuộc sống chung vợ chồng chị D và anh C có mâu thuẫn, theo như chị D khai báo nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị D và anh C là mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần xử cho chị D được ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh C thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/3/2013. Hiện cháu A đang ở cùng chị D tại khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn nguyện vọng của chị D mong muốn được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Anh C cũng đồng ý để chị D nuôi con, anh không phải cấp dưỡng vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của chị D và anh C về việc nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận. Do vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/3/2013 cho chị Tạ Thị Bích D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử: cho chị Tạ Thị Bích D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 05/3/2013 cho chị Tạ Thị Bích D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị Bích D phải chịu 300.000đ. Xác nhận chị Duyên đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004173 ngày 11/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đoan Hùng
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng
- Lưu HS + VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khanh